

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC
Phường Tân Phú - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG

		<u>Trang</u>
PHẦN I	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	02 - 27
	Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
	Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính	04 - 05
	Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
	Bảng cân đối kế toán	06 - 08
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 27
PHẦN II	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ	28 - 29
PHẦN III	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ	30 - 31
PHẦN IV	THƯ QUẢN LÝ	32 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước tiền thân là Công ty Cấp thoát nước Bình Phước được chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800228182 do Sở kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp ngày 30/12/2008 thay đổi lần thứ 4 ngày 25/06/2013.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo là:

Ông Trần Xuân Hoàng Chủ tịch Công ty

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Xuân Hoàng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Phong Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC
Phường Tân Phú - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước

chính
nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Trần Xuân Hoàng
Giám đốc

Bình Phước, ngày 20 tháng 02 năm 2015

177
CƠ
SỞ
TÀI
CHÍNH

Số: 1099/2015/BCKT.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước ("Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm này bao gồm việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cần thiết nhằm đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không còn các sai sót trọng yếu gây ra do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn có những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm những đánh giá về rủi ro của những sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính là do gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá về rủi ro này, kiểm toán viên phải xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng tình huống cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán do Ban Giám đốc đưa ra, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh tăng khấu hao Hệ thống Cấp nước sinh hoạt thị trấn An Lộc (theo quyết toán và thay đổi khung khấu hao) nên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 bao gồm khấu hao các năm trước số tiền 2.775.460.316 VND (Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7 – Tài sản cố định hữu hình).

Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ

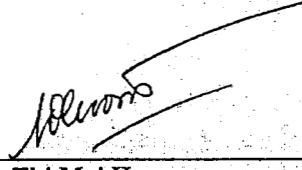
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” và ảnh hưởng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng báo cáo này thay thế cho báo cáo kiểm toán đã phát hành số 642/2015/BCKT.TC-AASC.KT5 ngày 28 tháng 03 năm 2015 do thay đổi ý kiến kiểm toán viên, sửa đổi và bổ sung Thuyết minh Báo cáo tài chính, Thư quản lý theo quy định hiện hành.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1


Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		112.585.540.974	45.487.326.034
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.776.207.386	27.403.387.786
111	1. Tiền		5.387.187.467	7.119.829.758
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.389.019.919	20.283.558.028
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		54.812.756.864	11.418.885.787
131	1. Phải thu khách hàng		4.054.268.624	3.619.136.368
132	2. Trả trước cho người bán		49.726.854.966	8.216.596.514
135	3. Các khoản phải thu khác	4	1.707.945.550	331.385.130
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(676.312.276)	(748.232.225)
140	IV. Hàng tồn kho	5	9.846.194.731	6.103.039.482
141	1. Hàng tồn kho		9.846.194.731	6.103.039.482
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.150.381.993	562.012.979
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		22.837.417	28.995.149
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	6	15.127.544.576	491.414.071
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	6.449.624
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	35.154.135
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		236.771.011.995	76.534.276.071
220	II. Tài sản cố định		234.576.984.273	74.395.493.249
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	48.726.812.608	50.901.388.815
222	- Nguyên giá		96.254.220.460	91.911.899.311
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.527.407.852)	(41.010.510.496)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	21.915.323	342.009.237
228	- Nguyên giá		3.592.169.166	3.592.169.166
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.570.253.843)	(3.250.159.929)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	185.828.256.342	23.152.095.197
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.194.027.722	2.138.782.822
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.194.027.722	2.138.782.822
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		349.356.552.969	122.021.602.105

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC
 TÂN PHÚ
 ĐÔNG XOÀI
 BÌNH PHƯỚC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(đã được kiểm toán) *lần 2*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

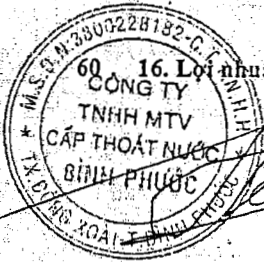
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		186.838.781.907	32.488.896.728
310	I. Nợ ngắn hạn		37.292.370.944	15.135.656.777
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	1.566.610.000	1.566.610.000
312	2. Phải trả người bán		8.618.475.021	4.231.123.477
313	3. Người mua trả tiền trước		352.739.114	90.270.162
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.342.241.051	807.984.830
315	5. Phải trả người lao động		3.239.560.148	3.668.296.407
316	6. Chi phí phải trả		-	333.500.000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	17.963.555.524	1.005.123.149
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.209.190.086	3.432.748.752
330	II. Nợ dài hạn		149.546.410.963	17.353.239.951
334	1. Vay và nợ dài hạn	14	149.527.919.685	17.263.429.067
338	2. Doanh thu chưa thực hiện		18.491.278	89.810.884
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		162.517.771.062	89.532.705.377
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	162.517.771.062	90.311.488.092
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		51.410.226.669	51.419.026.669
416	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		37.047.530	22.366.005
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.705.336.915	6.259.646.035
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		174.200.000	263.760.200
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.514.320.719	1.096.115.274
421	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		101.676.639.229	31.250.573.909
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	(778.782.715)
432	1. Nguồn kinh phí		-	(778.782.715)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		349.356.552.969	122.021.602.105

3-CT
 TY
 KHU HẠN
 M TOÁN
 SC
 M-TR

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.662.330.746	35.394.443.717
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		14.864.146	97.676.552
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	37.647.466.600	35.296.767.165
11	4. Giá vốn hàng bán	17	21.942.139.959	20.958.926.156
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.705.326.641	14.337.841.009
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.315.051.986	1.271.851.617
22	7. Chi phí tài chính	18	26.201.529	186.278.159
24	8. Chi phí bán hàng	19	2.141.441.155	2.308.833.110
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	8.647.939.174	7.907.415.930
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.204.796.769	5.207.165.427
31	11. Thu nhập khác		529.477	451.589
32	12. Chi phí khác		9.858.229	46.971.395
40	13. Lợi nhuận khác		(9.328.752)	(46.519.806)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.195.468.017	5.160.645.621
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	1.376.498.418	1.317.577.402
	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.818.969.599	3.843.068.219



Trần Xuân Hoàng
 Giám đốc

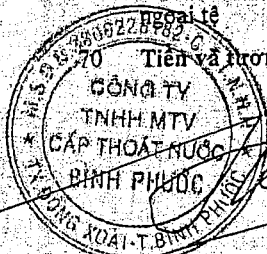
Bình Phước, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Phạm Thị Loan
 Kế toán trưởng

CÔNG TY
 CHẾM HỮU
 KIỂM T
 AS
 KIỂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		41.078.882.130	38.655.067.048
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(17.149.952.426)	(15.546.364.472)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.401.197.548)	(5.962.247.915)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.160.025.103)	(1.066.440.769)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.311.869.082	8.151.245.344
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.843.979.966)	(5.502.660.113)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>13.835.596.169</i>	<i>18.728.599.123</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(140.977.729.319)	(12.976.407.608)
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.843.971.033
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.315.051.986	1.074.165.229
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(139.662.677.333)</i>	<i>(10.058.271.346)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		133.831.100.618	4.264.185.270
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.566.610.000)	(1.566.610.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.096.115.274)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>131.168.375.344</i>	<i>2.697.575.270</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>5.341.294.180</i>	<i>11.367.903.047</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.403.387.786	16.011.600.268
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi		31.525.420	23.884.471
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	3	<i>32.776.207.386</i>	<i>27.403.387.786</i>



Trần Xuân Hoàng
 Giám đốc

Bình Phước, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Phạm Thị Loan
 Kế toán trưởng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước tiền thân là Công ty Cấp thoát nước Bình Phước được chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800228182 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/12/2008 thay đổi lần thứ 4 ngày 25/06/2013.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu phố Phú Tân - Phường Tân Phú - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước.

Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Đội sản xuất nước Thị xã Đồng Xoài	Đồng Xoài, Bình Phước	Sản xuất, kinh doanh nước
Đội cấp nước Huyện Phước Long	Phước Long, Bình Phước	Sản xuất, kinh doanh nước
Đội cấp nước Huyện Bình Long	Bình Long, Bình Phước	Sản xuất, kinh doanh nước
Đội cấp nước Khu công nghiệp Minh Hưng III	Chơn Thành, Bình Phước	Sản xuất, kinh doanh nước

Theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh doanh nghiệp số 3800228182 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/12/2008 thay đổi lần thứ 4 ngày 25/06/2013, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và kinh doanh; khoan thăm dò và khai thác nước ngầm;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây lắp sửa chữa công trình cấp thoát và dân dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự án, dự toán, đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước và dân dụng, giám sát kỹ thuật các công trình cấp thoát nước và dân dụng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư và các dịch vụ chuyên ngành cấp thoát nước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

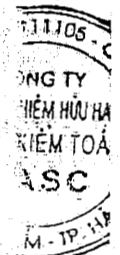
2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty và các Ban quản lý dự án.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho sử dụng trong sản xuất kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng TSCĐ tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Trong trường hợp tài sản đã được nghiệm thu nhưng chưa hoàn tất thủ tục quyết toán, nguyên giá tài sản được tạm ghi tăng theo giá tạm tính.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao hàng năm được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm kế toán	04 năm
- Các tài sản khác	03 - 10 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 năm

2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là các chi phí phát sinh trực tiếp để xây dựng các tài sản cần thiết phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc.

2.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Trong đó, chi phí lắp đặt đầu nối (phát sinh định kỳ hàng tháng) được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian 24 tháng.

2.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối cho các quỹ theo các quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

2.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Đối với khoản chênh lệch tỷ giá của Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài 20.000 m³/ngày đêm và Dự án Thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài được ghi nhận vào Khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán và sẽ xử lý tại thời điểm kết thúc Dự án.

2.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu kinh doanh nước sạch của Công ty được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước vào thời điểm ghi nhận chỉ số nước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi đầu tư và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	66.156.103	108.838.067
Tiền gửi ngân hàng	5.321.031.364	7.010.991.691
Các khoản tương đương tiền (*)	27.389.019.919	20.283.558.028
	<u>32.776.207.386</u>	<u>27.403.387.786</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng cụ thể như sau:

- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Bình Phước với số tiền tại ngày 31/12/2014 là 11.132.919.086 VND với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất 5%/năm.
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước với số tiền tại ngày 31/12/2014 là 4.197.642.500 VND với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất 5%/năm.
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước với số tiền tại ngày 31/12/2014 là 12.058.458.333 VND với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất 5%/năm.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Phải thu chi phí Quản lý ban tại Tiểu dự án Cấp nước	-	100.000.000
- Phải thu nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước	195.270.614	197.686.388
- Phải thu về thuế TNCN	165.549.092	33.698.742
- VAT đầu vào chưa được khấu trừ	1.335.625.333	-
- Phải thu các đối tượng khác	11.500.511	-
	1.707.945.550	331.385.130

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.767.732.446	6.017.823.877
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	78.462.285	85.215.605
	9.846.194.731	6.103.039.482

6. THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Toàn bộ số dư Thuế GTGT được khấu trừ phát sinh từ Chi phí xây dựng của "Tiểu dự án Mở rộng hệ thống cấp nước Đồng Xoài" và "Tiểu dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đồng Xoài" từ Vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới và Vốn đối ứng của Ngân sách tỉnh.

CÔNG TY TNHH MTV CÁP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC
 Phường Tân Phú - Thị xã Đông Xoài - Tỉnh Bình Phước

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	21,479,706,192	8,452,457,110	60,978,479,092	338,777,852	662,479,065	91,911,899,311						
Số tăng trong năm	2,299,818,630	610,006,250	1,530,421,304	-	159,590,910	4,599,837,094						
- Mua trong năm	-	610,006,250	1,530,421,304	-	80,500,001	2,220,927,555						
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2,299,818,630	-	-	-	79,090,909	2,299,818,630						
- Phân loại lại Tài sản	-	-	-	-	79,090,909	79,090,909						
Số giảm trong năm	(3,783,046)	(215,351,101)	(36,200,000)	-	(2,181,798)	(257,515,945)						
- Phân loại lại Tài sản	-	(79,090,909)	-	-	-	(79,090,909)						
- Điều chỉnh giảm theo TT45	(3,783,046)	(136,260,192)	-	-	(2,181,798)	(142,225,036)						
- Giảm khác	-	-	(36,200,000)	-	-	(36,200,000)						
Số dư cuối năm	23,775,741,776	8,847,112,259	62,472,700,396	338,777,852	819,888,177	96,254,220,460						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	8,983,435,240	6,440,798,213	24,796,868,392	141,628,678	647,779,973	41,010,510,496						
Số tăng trong năm	1,431,834,284	502,165,930	4,722,435,388	-	16,316,458	6,672,752,060						
- Khấu hao trong năm	1,431,834,284	502,165,930	4,722,435,388	-	16,316,458	6,672,752,060						
Số giảm trong năm	(3,783,046)	(136,260,192)	(13,629,668)	-	(2,181,798)	(155,854,704)						
- Điều chỉnh giảm theo TT45	(3,783,046)	(136,260,192)	-	-	(2,181,798)	(142,225,036)						
- Giảm khác	-	-	(13,629,668)	-	-	(13,629,668)						
Số dư cuối năm	10,411,486,478	6,806,703,951	29,505,674,112	141,628,678	661,914,633	47,527,407,852						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	12,496,270,952	2,011,658,897	36,181,610,700	197,149,174	14,699,092	50,901,588,815						
Tại ngày cuối năm	13,364,255,298	2,040,408,308	32,967,026,284	197,149,174	157,973,544	48,726,812,608						

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.901.826.821 VND.

Năm 2013, Công ty điều chỉnh giảm giá trị TSCĐ của Hệ thống Cấp nước sinh hoạt thị trấn An Lộc theo Biên bản giao chính thức năm 2013 với giá trị ghi giảm là 15.015.680.428 VND (Giá trị tạm hạch toán tăng năm 2011 là 25.764.433.858 VND), tương ứng với chi phí khấu hao hạch toán giảm là 3.003.136.079 VND. Đồng thời, Công ty thay đổi khung khấu hao của tài sản này từ 10 năm lên 14 năm và tính lại chi phí khấu hao từ tháng 9 năm 2006 (là thời điểm công trình đi vào hoạt động) đến năm 2012 dẫn đến chi phí khấu hao tăng lên với số tiền là 2.775.460.316 VND. Các số liệu điều chỉnh chi phí khấu hao nêu trên đang được phản ánh toàn bộ vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố vào các kỳ kế toán trước.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	466.170.740	3.125.998.426	3.592.169.166
Số dư cuối năm	466.170.740	3.125.998.426	3.592.169.166
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	436.755.417	2.813.404.512	3.250.159.929
Số tăng trong năm	7.500.000	312.593.914	320.093.914
- Khấu hao trong năm	7.500.000	312.593.914	320.093.914
Số dư cuối năm	444.255.417	3.125.998.426	3.570.253.843
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	29.415.323	312.593.914	342.009.237
Tại ngày cuối năm	21.915.323	-	21.915.323

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	185.828.256.342	23.152.095.197
- Tiểu dự án Mở rộng Hệ thống cấp nước Đồng Xoài ⁽¹⁾	144.575.448.730	6.112.173.484
- Tiểu dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đồng Xoài ⁽²⁾	40.334.257.293	15.079.492.030
- Công trình Nhà máy Bắc Tĩnh Ly	-	755.083.071
- Công trình Hệ thống cấp nước KCN Chợ Thành ⁽³⁾	492.475.251	492.475.251
- Công trình Nhà máy nước Phước Long ⁽³⁾	143.390.909	143.390.909
- Công trình Hệ thống cấp nước KCN Bắc Đồng Phú	203.146.834	-
- Các công trình khác	79.537.325	569.480.452
	185.828.256.342	23.152.095.197

⁽¹⁾ Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài 20.000 m³/ngày đang thực hiện trong khuôn khổ Dự án Cấp nước và xử lý nước thải đô thị Việt Nam được phê duyệt điều chỉnh theo Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND Tỉnh Bình Phước với mục tiêu cung cấp nước sạch cho người dân trong Thị xã Đồng Xoài và nước sạch phục vụ sản xuất cho Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân. Thời gian thực hiện dự án dự kiến là từ năm 2011 đến năm 2015. Tổng mức đầu tư 323.934.447.000 VND (tương đương 16.612.024 USD) bao gồm vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới là 270.000.000.000 VND (tương đương 13.846.355 USD), vốn đối ứng Ngân sách Tỉnh là 53.934.477.000 VND (tương đương 2.765.699 USD).

⁽²⁾ Dự án Thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10.000 m³/ngày đêm thực hiện trong khuôn khổ Dự án Cấp nước và xử lý nước thải đô thị Việt Nam được phê duyệt điều chỉnh theo Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND Tỉnh Bình Phước với mục tiêu cải thiện điều kiện môi trường đô thị tại thị xã Đồng Xoài, thông qua việc xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải và tăng cường nhận thức cộng đồng về sức khỏe và vệ sinh thông qua các hoạt động giáo dục và quan hệ cộng đồng. Thời gian thực hiện dự án dự kiến là từ năm 2011 đến năm 2015. Tổng mức đầu tư 366.589.516.486 VND (tương đương 17.519.000 USD) bao gồm vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới là 316.184.643.044 VND (tương đương 15.058.000 USD), vốn đối ứng Ngân sách tỉnh là 50.404.873.442 VND (tương đương 2.461.000 USD).

⁽³⁾ Là các chi phí chuẩn bị đầu tư của các dự án nhưng đang tạm dừng vì chưa bố trí được nguồn vốn.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.138.782.822	2.131.910.900
Số tăng trong năm	1.884.906.783	2.117.191.385
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.829.661.883)	(2.110.319.463)
Số dư cuối năm	2.194.027.722	2.138.782.822
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lắp đặt đầu nổi	1.772.357.006	1.587.456.477
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	421.670.716	551.326.345
	2.194.027.722	2.138.782.822

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	1.566.610.000	1.566.610.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	1.566.610.000	1.566.610.000
<i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh 14)</i>		
	1.566.610.000	1.566.610.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	132.677.241	92.549.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	513.036.450	296.563.135
Thuế thu nhập cá nhân	60.571.208	-
Thuế tài nguyên	9.848.115	7.765.898
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	626.108.037	411.106.753
	1.342.241.051	807.984.830

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	426.650	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.963.128.874	1.005.123.149
- Phải trả tiền vay Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Nhà Bình Phước	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả CBCNV Ban quản lý dự án lương 2014	95.532.600	5.123.149
- Phải trả tiền khối lượng công trình Công ty CP Xây dựng công trình thủy Hà Nội	4.875.294.322	-
- Phải trả tiền khối lượng công trình Công ty CP Xây dựng số 5	9.640.249.332	-
- Phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước chi phí lãi vay và phí quản lý vốn vay	2.308.216.787	-
- Phải trả khác	43.835.833	-
	17.963.555.524	1.005.123.149

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước ⁽¹⁾	10.182.953.797	11.749.563.797
- Bộ Tài chính Việt Nam ⁽²⁾	139.344.965.888	5.513.865.270
	149.527.919.685	17.263.429.067

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được điều chỉnh theo Phụ lục hợp đồng số 01-2005/PLHĐ-ODA ngày 07/10/2005 với các điều khoản chi tiết sau:
 - Tổng số tiền vay: 26.632.358.798 VND;

- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư dự án "Hiện đại hóa hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước";
- Thời hạn vay: 25 năm. Trong đó thời gian ân hạn là 8 năm và thời gian trả nợ là 17 năm;
- Lãi suất cho vay: 0%, phí quản lý là 0,2%/năm, tính trên số dư thực tế;
- Kỳ trả nợ: ngày 30/6 và 31/12 hàng năm;
- Số dư nợ vay tại 31/12/2014 là 11.749.563.797 VND. Trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 1.556.610.000 VND.

(2) Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước ngày 18/12/2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích tài trợ vốn cho Tiểu dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài trong khuôn khổ Dự án Cấp nước và nước thải Đô thị Việt Nam;
- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 270.000.000.000 VND, tương đương 13.846.355 USD;
- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 25 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 5 năm ân hạn, thực hiện theo 40 bán niên bằng nhau vào các ngày 15/05 và 15/11 hàng năm;
- Lãi suất: 6,75%/năm và phí quản lý 0,2%/năm trả lãi vào ngày 15/05 và 15/11 hàng năm, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay;
- Hình thức đảm bảo khoản vay: Sử dụng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐTCTS-NHPT-BPH ngày 20/11/2013 giữa Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển Bình Phước với Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bình Phước. Trong đó, tài sản thế chấp là các tài sản gắn liền với đất, các tài sản và thiết bị khác hình thành trong tương lai của Dự án; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BG 216195 cấp ngày 10/05/2012 của thửa đất xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với diện tích: 35.932,7 m².
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là: 139.344.965.888 VND.

05
CÔNG TY
KIỂM
AA
ÁN KINH

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC
Phường Tân Phú - Thị xã Đông Xoài - Tỉnh Bình Phước

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD/CB	Cộng		
Số dư đầu năm trước	40.670.273.239	(699.520)	1.927.057.099	1.021.486.216	213.100.000	2.250.303.274	24.551.902.437	70.633.422.745		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	3.843.068.219	-	3.843.068.219		
Điều chỉnh từ Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.021.486.216	(1.021.486.216)	-	-	-	-		
Tăng do nhận tài sản từ Nhà nước	10.748.753.430	-	-	-	-	-	-	10.748.753.430		
Tăng do nhận nguồn vốn từ Ngân sách	-	-	-	-	-	-	3.294.529.090	3.294.529.090		
Tăng do nhận nguồn vốn WB từ Ngân sách	-	-	-	-	-	-	3.404.045.340	3.404.045.340		
Tăng từ lãi tiền gửi của dự án	-	-	-	-	-	-	97.042	97.042		
Tăng khác	-	23.065.525	-	-	-	-	-	23.065.525		
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.311.102.720	-	140.960.200	(4.997.256.219)	-	(1.545.193.299)		
Giảm do chi trả thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(90.300.000)	-	-	(90.300.000)		
Số dư cuối năm trước	51.419.026.669	22.366.005	6.259.646.035	-	263.760.200	1.096.115.274	31.250.573.909	90.311.488.092		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4.818.969.599	-	4.818.969.599		
Nộp lại Ngân sách Nhà nước lợi nhuận năm 2013 theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC	-	-	-	-	-	(1.096.115.274)	-	(1.096.115.274)		
Tăng do nhận nguồn vốn WB từ Ngân sách	-	-	-	-	-	-	70.426.065.320	70.426.065.320		
Trích lập các quỹ	-	-	1.445.690.880	-	-	(1.445.690.880)	-	-		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.684.758.000)	-	(1.684.758.000)		
Giảm do trích quỹ thưởng viên chức quản lý	-	-	-	-	174.200.000	(174.200.000)	-	-		
Giảm do chi thưởng ban điều hành năm 2013	-	-	-	-	(263.760.200)	-	-	(263.760.200)		
Tăng khác	-	14.681.525	-	-	-	-	-	14.681.525		
Giảm khác	(8.800.000)	-	-	-	-	-	-	(8.800.000)		
Số dư cuối năm nay	51.410.226.669	37.047.530	7.705.336.915	-	174.200.000	1.514.320.719	101.676.639.229	162.517.771.062		



Theo Quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014 được phân phối cho các quỹ trong năm như sau:

	Tỷ lệ	Năm 2014	Năm 2013
	%	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30%	1.445.690.880	1.152.920.466
Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.684.758.000	1.453.072.279
Quỹ khen thưởng ban quản lý		174.200.000	140.960.200
Cộng		3.304.648.880	2.746.952.945

16. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu nước sạch	34.278.662.011	32.275.248.709
Doanh thu bán lẻ vật tư	37.468.763	63.759.418
Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước	3.331.335.826	2.957.759.038
	37.647.466.600	35.296.767.165

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn nước sạch	18.826.908.079	17.758.534.053
Giá vốn bán lẻ vật tư	24.828.928	56.086.966
Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước	3.090.402.952	3.144.305.137
	21.942.139.959	20.958.926.156

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Phí duy trì tiền vay ODA tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	26.201.529	30.249.192
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	156.028.967
	26.201.529	186.278.159

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.904.725.925	2.163.839.710
Chi phí nhân công	194.267.500	144.993.400
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	747.730	-
Chi phí khác bằng tiền	41.700.000	-
	2.141.441.155	2.308.833.110

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.443.082	484.717.003
Chi phí nhân công	6.580.038.612	5.193.786.159
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	515.420.297	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	206.589.440	253.224.888
Thuế, phí và lệ phí	9.510.000	5.184.802
Chi phí dự phòng / Hoàn nhập các khoản dự phòng	(71.919.949)	574.973.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.419.780	565.204.701
Chi phí khác bằng tiền	1.090.437.912	830.324.800
	8.647.939.174	7.907.415.930

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.195.468.017	5.160.645.621
Các khoản điều chỉnh tăng	9.858.229	46.971.395
- Chi phí không hợp lệ	9.858.229	46.971.395
Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất: 22%)	6.205.326.246	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 25%)	-	5.207.617.016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.365.171.774	1.301.904.254
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	11.326.644	15.673.148
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	296.563.135	45.426.502
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.160.025.103)	(1.066.440.769)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	513.036.450	296.563.135

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.027.815.776	8.906.669.440
Chi phí nhân công	11.863.790.816	10.242.969.411
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	735.195.109	794.053.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.014.053.616	6.730.803.657
Thuế, phí và lệ phí	9.510.000	5.184.802
Chi phí dự phòng / Hoàn nhập các khoản dự phòng	(71.919.949)	574.973.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.248.014.843	4.179.628.393
Chi phí khác bằng tiền	1.593.683.985	1.834.749.310
	34.420.144.196	33.269.031.989

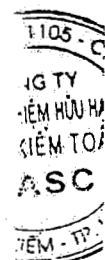
23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.776.207.386	-	27.403.387.786	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.762.214.174	(676.312.276)	3.950.521.498	(748.232.225)
	38.538.421.560	(676.312.276)	31.353.909.284	(748.232.225)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	151.094.529.685	18.830.039.067
Phải trả người bán, phải trả khác	26.582.030.545	5.236.246.626
Chi phí phải trả	-	333.500.000
	177.676.560.230	24.399.785.693

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Cộng
	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.776.207.386	32.776.207.386
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.085.901.898	5.085.901.898
Cộng	37.862.109.284	37.862.109.284
Tại ngày 01/01/2014		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.403.387.786	27.403.387.786
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.202.289.273	3.202.289.273
Cộng	30.605.677.059	30.605.677.059

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014			
Vay và nợ	1.566.610.000	149.527.919.685	151.094.529.685
Phải trả người bán, phải trả khác	26.582.030.545	-	26.582.030.545
	28.148.640.545	149.527.919.685	177.676.560.230
Tại ngày 01/01/2014			
Vay và nợ	1.566.610.000	17.263.429.067	18.830.039.067
Phải trả người bán, phải trả khác	5.236.246.626	-	5.236.246.626
Chi phí phải trả	333.500.000	-	333.500.000
	7.136.356.626	17.263.429.067	24.399.785.693

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

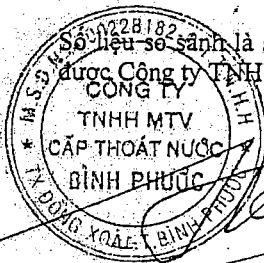
25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.130.922.660	899.847.372

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

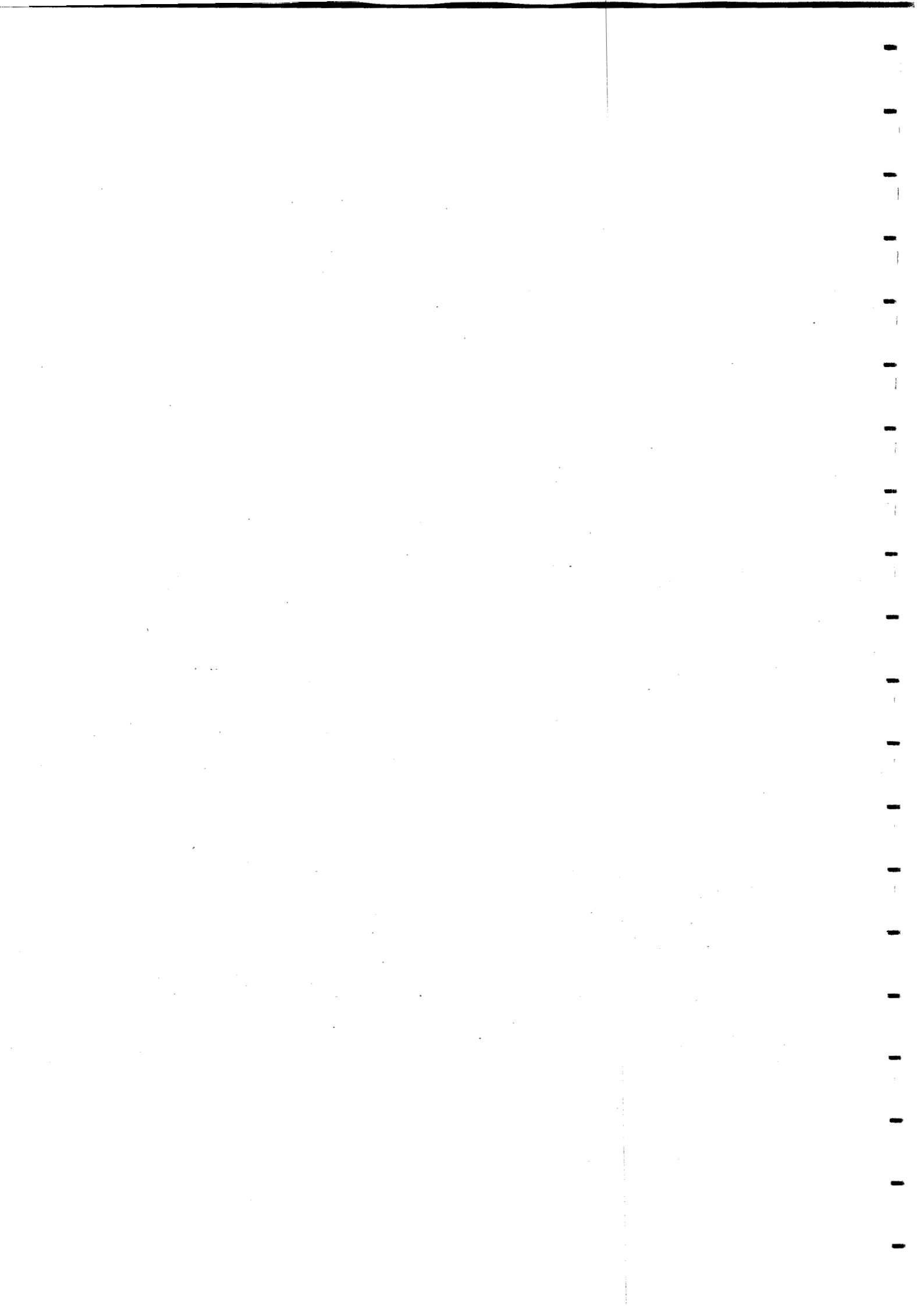
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Xuân Hoàng
 Giám đốc

Phạm Thị Loan
 Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 20 tháng 02 năm 2015



PHẦN II

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

HOẠT ĐỘNG
KIỂM TOÁN
TỔNG QUẢN LÝ

★ M.S.O.★



Số: 1099 /2015/BCKT.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 03 năm 2015 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính, chúng tôi cũng xem xét tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có được sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các vấn đề tuân thủ có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu trên báo cáo tài chính, cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thiết kế và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thủ tục khác mà chúng tôi cho là cần thiết trong bối cảnh của Công ty để có được đầy đủ bằng chứng thích hợp cho ý kiến của chúng tôi.

Do hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính, bao gồm cả khả năng thông đồng hoặc kiểm soát không phù hợp, dẫn đến các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót có thể xảy ra và không thể ngăn ngừa hoặc phát hiện một cách thường xuyên. Ngoài ra, các kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính trong tương lai cũng sẽ tùy thuộc vào các rủi ro mà hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được cập nhật phù hợp, do những thay đổi về bối cảnh hoặc mức độ không tuân thủ với các chính sách, thủ tục đã được thiết lập.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

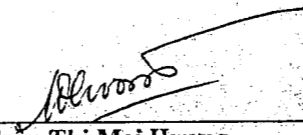
TRÁCH ANH A ANA

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Công ty đã duy trì hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu không còn chứa đựng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1


Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

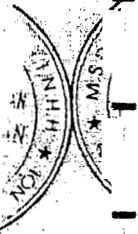
CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015

1705
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÀNG KIỂM TOÁN
AASC
M-TP.X

PHẦN III

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ





Số: 1099 /2015/BCKT.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 03 năm 2015 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính, chúng tôi đã kiểm tra việc tuân thủ các điều khoản của Hiệp định Tín dụng số IDA 4948-VN, pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 ("Yêu cầu").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật, các quy định và các điều khoản có liên quan đến Yêu cầu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các Yêu cầu dựa trên các thủ tục của chúng tôi. Trách nhiệm của chúng tôi cũng bị giới hạn bởi các thử nghiệm tuân thủ các Yêu cầu, nên sẽ không bao gồm toàn bộ các thử nghiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định có thể áp dụng đối với Công ty.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định của đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để có được sự đảm bảo hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Dịch vụ đảm bảo cho việc báo cáo về tính tuân thủ với những Yêu cầu của Công ty bao gồm các thủ tục thực hiện để thu thập các bằng chứng chứng minh mọi hoạt động của Công ty không còn chứa đựng những vi phạm trọng yếu về tính tuân thủ theo những Yêu cầu này. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến tính tuân thủ theo Yêu cầu. Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, bao gồm việc đánh giá các rủi ro mà Công ty có thể không tuân thủ các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính. Các thủ tục của chúng tôi cũng bao gồm các thử nghiệm tuân thủ các Yêu cầu mà chúng tôi cho là cần thiết để đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

10011
CÔNG
TÁC NHIỆP
KẾ
A A
KIỂM

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ pháp luật, các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015

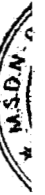
TY
KIỂM
TOÁN
C
TP. HÀ

PHẦN IV

Thư quản lý

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2015

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước
Phường Phú Tân - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước - Việt Nam

Thưa Quý Ban,

Chúng tôi đã hoàn thành việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã xem xét các quy trình kế toán và kiểm soát nội bộ, cũng như đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật, các quy định và điều khoản của hiệp định tài trợ.

Theo đó, chúng tôi xin gửi kèm theo đây các vấn đề mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình kiểm toán cùng với các đề xuất. Chúng tôi đã thảo luận các vấn đề này với Ban Giám đốc và những ý kiến trả lời cũng đã được nêu trong Thư này.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ban lãnh đạo Công ty trong thời gian thực hiện cuộc kiểm toán. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục hợp tác làm việc với Quý Ban trong thời gian tới, cũng như sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác.

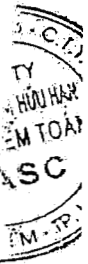


Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc



Nội dung

1. Quản lý hàng tồn kho.....	35
2. Quản lý công nợ.....	36
3. Tình hình thực hiện các khuyến nghị năm trước.....	37



I. Quản lý hàng tồn kho

Kiểm tra và ảnh hưởng

Giá trị trên sổ kế toán vật tư chậm luân chuyển tại ngày 31/12/2014 là 2.835.467.945 VND. Vật tư chậm luân chuyển có thể dẫn đến tình trạng lỗi thời hoặc giảm sút về chất lượng, Công ty chưa thực hiện đánh giá chất lượng cũng như giá trị sử dụng của các vật tư này để cung cấp thông tin cho cấp quản lý.

Đề xuất

Các vật tư chậm luân chuyển cần được đánh giá, phân loại phẩm cấp, từ đó kịp thời đề ra biện pháp quản lý cho từng chủng loại, từng phẩm cấp vật tư.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với ý kiến kiểm toán. Đối với các vật tư chậm luân chuyển tại ngày 31/12/2014 đó chủ yếu là các vật tư thiết bị của dự án hiện đại hoá hệ thống cấp nước Đồng Xoài do Ban quản lý dự án của Sở Xây dựng bàn giao sang cho Công ty. Các vật tư này thuộc loại vật tư thiết bị đặc thù mà hiện trên thị trường Việt Nam không có sản phẩm cùng loại hoặc tương đương. Các vật tư này chỉ dùng để sửa chữa cũng như tân trang lại hệ thống máy móc của các nhà máy nước. Đồng thời công tác bảo quản các vật tư tồn kho của Công ty được thực hiện khá đảm bảo nên Ban giám đốc cho rằng các loại vật tư thiết bị tồn kho tại ngày 31/12/2014 có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá gốc.

2. Quản lý công nợ

Kiểm tra và ảnh hưởng

Qua kiểm tra, phân tích và đánh giá các khoản công nợ năm 2014 của Công ty, chúng tôi thấy: Các khoản công nợ phải thu, phải trả, tiền vay chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Do ảnh hưởng của vấn đề này, những khoản công nợ có chênh lệch có thể chưa được phát hiện kịp thời để xử lý, chưa thực sự đáp ứng việc cung cấp đầy đủ thông tin tài chính cho mục đích quản lý.

Đề xuất

Các khoản công nợ phải thu, phải trả cần được đối chiếu, xác nhận định kỳ, đặc biệt là tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đồng thời, Công ty thực hiện ngay việc rà soát xác nhận, đối chiếu công nợ đối với các khoản công nợ phát sinh từ trước 31/12/2013 để đánh giá tổng thể khả năng thanh toán, thu hồi nợ, từ đó có hướng xử lý kịp thời.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với ý kiến của kiểm toán.



3. Tình hình thực hiện các khuyến nghị năm trước

STT	Các vấn đề đã khuyến nghị năm 2013	Tình hình thực hiện năm nay
1	Công ty nên bổ sung tình trạng của các tài sản cố định trên biên bản kiểm kê nhằm cung cấp thông tin cho Ban Giám đốc để đưa ra quyết định sử dụng Tài sản cố định phù hợp.	Đã thực hiện.
2	Tài sản cố định cần được tạm tăng phù hợp với chi phí thực tế. Đồng thời, khấu hao Tài sản cố định cần được trích và áp dụng một cách nhất quán từ thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.	Đã thực hiện.
3	Các vật tư chậm luân chuyển cần được đánh giá, phân loại phẩm cấp, từ đó kịp thời đề ra biện pháp quản lý cho từng chủng loại, từng phẩm cấp vật tư.	Chưa thực hiện được. Công ty chưa đánh giá, phân loại phẩm chất của các vật tư chậm luân chuyển tại 31/12/2014.

